

Bản án số: 09/2022/HS-ST

Ngày: 22-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

2. Ông Trần Hải Đăng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 17-01-2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Thị T**; Tên gọi khác: Không có;

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1952; Giới tính: Nữ;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố P, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 2/10; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không có; Bố đẻ: Vũ Hoàng H, sinh năm 1931 (đã chết); Mẹ đẻ: Phạm Thị, sinh năm 1929 (đã chết); Chồng: Bùi Văn P, sinh năm 1951 (đã chết); Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1979; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 02; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1979 (có mặt).

2. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Hoàng Tùng D, sinh ngày 06/8/2004 (có mặt).

Người giám hộ: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1979, chị Đặng Thị N, sinh năm 1981 (đều có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Cáp Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

3. Bà Mai Thị B, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn PX, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Lương Ngọc L, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố TC, thị trấn PX, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố CTĩnh, thị trấn NN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị T có cho anh Hoàng Văn M nợ số tiền 63 triệu đồng, T đã đòi nhiều lần nhưng anh M khất lần, chưa trả. Khoảng 08 giờ ngày 03/9/2021, T đến để đòi tiền nhưng vợ chồng anh M không có nhà, T bảo cháu Hoàng Tùng D, sinh năm 2004 (là con anh M) gọi điện cho bố mẹ về trả tiền T, nếu không trả thì hôm sau sẽ đến bắt gà, lợn để trừ nợ. Cháu D gọi điện cho bố mẹ nhưng không ai nghe máy thì T bảo cháu D “*Mày làm thế nào thì làm, không thì sáng mai tao vào, một là bắt gà hai là bắt lợn đấy!*” rồi T đi về.

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 04/9/2021, T đi xe đạp mang theo 01 lồng kim loại đến nhà anh M mục đích bắt lợn trừ nợ. Khi đến, vợ chồng anh M không ở nhà, T nói với cháu D “*Bố mẹ mày không về, không trả tiền tao thì tao ra bắt lợn để trừ nợ, nếu không trả đủ thì từ giờ đến tối tao ra tao bắt nốt đàn gà với hai con lợn còn lại. Lợn thì cân lên, giá bao nhiêu tao trừ bằng đấy! Nếu lấy lợn về nuôi thì đem tiền trả tao!*”. Sau đó T gọi điện thoại cho vợ chồng anh M nhưng không ai nghe máy. Khi đó, chị Cáp Thị H (là thím dâu anh M) đến thì T nói với chị H là sẽ bắt lợn vì đòi nhiều lần anh M không trả. Chị H gọi điện thoại cho vợ chồng M nhưng không thấy ai nghe máy nên chị H có can ngăn và nói với T cứ đi về, đợi trưa vợ chồng anh M gọi điện về xem thế nào nhưng T không nghe. T tiếp Tc gọi điện thoại cho vợ chồng anh M nhưng không được, T bảo chị H là vẫn bắt lợn, chị H khuyên không được thì đi về. Sau đó, T vào trong nhà anh M bê 01 chiếc cân đồng hồ ra để ở sân mục đích để cân lợn. Do một mình không bắt được lợn nên T gọi điện thoại cho ông Nguyễn Bá T là người làm nghề chở lợn thuê đi xe mô tô kéo theo xe lôi đến nhà anh M. Khi ông T đến thì T bảo ông T bắt hộ 02 con lợn, còn T bê cân đồng hồ, lồng ra để trước cửa chuồng. Thấy vậy, cháu D không đồng ý cho bắt lợn thì T bảo “*Bố mẹ mày nợ tiền tao không trả thì tao cứ bắt, tội vạ đâu tao chịu!*”. Do không ngăn cản được nên cháu D đi vào trong nhà. Lúc này, chị H và bà Mai Thị B (cũng là thím dâu anh M) đến. T nói với chị H và bà B nhìn cân đồng hồ để xác định trọng lượng lợn rồi T mở cửa chuồng, cầm lồng vào lừa lợn. Do lợn chạy, không đuổi được nên T bảo ông T lừa hộ, bắt được con lợn trắng, có đốm đen. Ông T và T khiêng lồng đựng lợn ra, thấy T loạng choạng thì chị H và bà B vào hộ

nhắc lồng đặt lên mặt cân. Sau khi cân xác định được 67kg (tính cả lồng) thì ông T cho lợn vào thùng xe. T cùng ông T tiếp Tc lừa bắt con lợn đen. Khi T với ông T lôi lồng đựng lợn ra đến cửa chuồng thì chị H và bà B cùng ông T khiêng đặt lên cân. Khi đó, cháu D ra nói bố mẹ và cháu D không đồng ý cho bắt lợn thì T nói với cháu D “*Mày chỉ là người trông nhà, chứ mày chưa phải là chủ, chủ là bố mẹ mày! Bây giờ bố mẹ mày không trả tiền tao thì tao cứ bắt! Nếu mày không đồng ý thì gọi bố mẹ mày về đây! Bố mẹ mày mà trả tiền tao thì tao lại chở lợn về tận nhà tao trả! Còn bố mẹ mày không trả tiền tao thì tao cứ bắt, tội vạ đâu tao chịu*”. Thấy không ngăn cản được nên D khóa cổng lại để đi tìm gọi người đến giúp. Sau khi cân con lợn đen được 69kg (tính cả lồng), ông T cho vào thùng xe lôi còn T cân lồng sắt được 05kg. T bảo ông T ghi trọng lượng lợn lên tường (mục đích để cho vợ chồng anh M biết để tính toán tiền nợ với T), còn chị H, bà B đi về. T thấy cổng bị khóa nên dùng 01 đoạn dây bạch đàn dài khoảng 03m, đường kính khoảng 05cm bẫy 01 cánh cổng ra khỏi bản lề để lấy lối ra. Ông T cho xe ra khỏi cổng sau đó cùng T lắp cánh cổng lại. Sau đó, T đi xe đạp kèm lồng, còn ông T điều khiển xe lôi chở lợn mang về nhà T, T trả ông T 100.000 đồng tiền công chở thuê.

Ngày 08/9/2021, anh M có đơn trình báo về việc T chiếm đoạt lợn của gia đình.

Ngày 09/9/2021, T giao nộp cho Cơ quan điều tra: 02 (hai) con lợn đã chiếm đoạt của gia đình anh M. Do anh M không đồng ý nhận lại lợn nên cùng ngày, Cơ quan điều tra đã giao cho ông Lương Ngọc L (tổ trưởng tổ dân phố T Chung) nuôi 02 con lợn nêu trên.

Ngày 29/9/2021, T giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 (một) lồng kim loại, kích thước (80,2 x 50 x 46) cm, trọng lượng 05kg.

Ngày 01/12/2021, ông Nguyễn Bá T giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 xe lôi bằng kim loại.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố Tụng hình sự số 113/KL-HĐĐGTS ngày 15/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố Tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: Giá trị của tài sản tại thời điểm định giá tháng 09/2021 là 5.670.000đồng (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó:

+ 01 (một) con lợn đực màu lông trắng, có đốm đen (lông khoang), có trọng lượng 62kg, có giá trị 2.790.000 đồng ($62kg \times 45.000 \text{ đồng}/01kg = 2.790.000 \text{ đồng}$);

+ 01 (một) con lợn đực màu lông đen, trọng lượng 64kg, có giá trị 2.880.000 đồng ($64kg \times 45.000 \text{ đồng}/01kg = 2.880.000 \text{ đồng}$).

Ngày 11/9/2021, cháu D cung cấp cho Cơ quan điều tra: 03 File Video Clip do D sử dụng điện thoại quay lại diễn biến vụ việc (trong đó 01 Video hình ảnh T cầm lồng đi về phía xe lôi của ông T, 01 Video hình ảnh ông T, chị H và bà B khiêng lồng đựng con lợn đen đặt lên cân; 01 Video hình ảnh 01 cánh cổng gia đình D bị đổ) (Bút lục 83).

Tại Kết luận giám định số 1714/KL-KTHS ngày 29/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép nội D hình ảnh trong các file video lưu trữ trong 01 đĩa DVD-R nhãn hiệu NOVA, màu bạc gửi giám định* (Bút lục 22).

Quá trình điều tra, anh M và chị N đều xác định có nợ tiền của T như trên nhưng không thỏa thuận việc dùng lợn để trừ nợ, không đồng ý cho T bắt lợn trừ nợ vào ngày 04/9/2021.

Chị H khai có gọi điện và nói cho chị N biết việc T đến nhà chị N bắt lợn. Tuy nhiên, chị N khai chị H chỉ nói với chị N việc T đến nhà. Do mâu thuẫn trong lời khai nên Cơ quan điều tra yêu cầu đối chất nhưng chị H từ chối đối chất và giữ nguyên lời khai.

Cáo trạng số 04/CT-VKS-YT ngày 04/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 172; Điểm b, i, o, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Vũ Thị T từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản". Thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) đến 20 (hai mươi) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn PX, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Văn M, chị Đặng Thị N giá trị 02 con lợn là 5.670.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại giai đoạn điều tra. Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Hoàng Văn M về việc yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị 02 con lợn là 5.670.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn M về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại 4.330.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn M về việc buộc bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, ông Nguyễn Bá T bồi thường số tiền 30.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, danh dự.

- Về vật chứng: Giao cho anh Hoàng Văn M, chị Đặng Thị N được sở hữu, sử dụng số tiền 5.670.000 đồng do bị cáo T nộp tại giai đoạn điều tra, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Trả lại bị cáo T số tiền 2.000.000 đồng.

- Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai và rất hối lỗi, mong Hội đồng xét xử xem xét và cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá T, ông Lương Ngọc L vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, chị Cáp Thị H, bà Mai Thị B vắng mặt, sự vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thừa nhận: Do vợ chồng anh Hoàng Văn M nợ tiền của Vũ Thị T nên khoảng hơn 07 giờ ngày 04/9/2021, T đã công khai đến bắt 02 con lợn trị giá 5.670.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) của gia đình anh M mang về nhà mục đích để trừ nợ.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo công khai chiếm đoạt của bị hại số tiền 5.670.000 đồng trước mặt người quản lý tài sản là cháu Hoàng Tùng D; cháu D biết việc bị cáo chiếm đoạt tài sản, đã ngăn cản nhưng không ngăn cản được. Như vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 04/CT-VKS-YT ngày 04/01/2022 và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tại phiên tòa đối với Vũ Thị T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Bị cáo thuộc đối tượng người cao tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong vụ án, ông T là người đến chở lợn thuê cho bị cáo và có hộ bị cáo bắt lợn; chị H và bà B là người không lợn hộ. Tuy nhiên ông T, chị H và bà B không bàn bạc gì với T, không có mục đích chiếm đoạt lợn của gia đình anh M, ông T khai do lợn kêu to nên không nghe rõ lời cháu D nói, tưởng bà T mua lợn

của gia đình anh M mà cháu D không biết nên can ngăn, chị H và bà B đã can ngăn T không bắt lợn nhưng không được nên không có căn cứ xác định ông T, bà B và chị H là đồng phạm với bị cáo T.

Quá trình điều tra, bị cáo T có đơn tố giác việc vợ chồng anh M, chị N vay tiền nhưng không trả. Anh M và chị N đều xác định do kinh tế khó khăn nên chưa trả, không có ý thức chiếm đoạt tiền của T. Xác định đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra đã hướng dẫn bị cáo làm đơn đến Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật Hình sự bảo vệ nên cần thiết phải áp dụng biện pháp xử lý hình sự đối với bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên; T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với yêu cầu của anh Hoàng Văn M về việc yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 02 con lợn bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy 02 con lợn trên đã được định giá là 5.670.000 đồng nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của anh M theo giá trị tài sản đã được định giá, số tiền yêu cầu bồi thường còn lại là 4.330.000 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) không được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của anh M về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, ông Nguyễn Bá T bồi thường 30.000.000 đồng tiền tổn thất danh dự: căn cứ quy định tại Điều 589 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thiệt hại do tài sản bị xâm phạm không bao gồm thiệt hại về tổn thất tinh thần, danh dự do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh M.

- Ông Lương Ngọc L yêu cầu bị cáo bồi thường tiền công chăm sóc 02 con lợn là 5.400.000 đồng, bị cáo đã bồi thường cho ông L số tiền này, ông L không yêu cầu bồi thường gì khác, bị cáo cũng không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với việc T cậy cánh công, do cánh công không bị hư hỏng, anh M không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng:

- Đối với số tiền 5.670.000 đồng bị cáo nộp tại giai đoạn điều tra để bồi thường giá trị 02 con lợn cho anh M, chị N nên cần giao cho anh M, chị N được sở hữu, sử dụng số tiền này. Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền Cơ quan

cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thế bán 02 con lợn, do bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên cần giao cho bị cáo sở hữu số tiền này.

- Đối với chiếc xe ô tô là của ông T sử dụng chở lợn thuê cho T, ngày 13/12/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc lồng bằng kim loại là của chị Cáp Thị H cho T mượn trước đó, ngày 13/12/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của anh M đối với số tiền 4.330.000 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) không được chấp nhận nên anh M

phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c, điểm e khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 172, điểm b, i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 65, Điều 50 của Bộ luật hình sự; Điều 292 của Bộ luật Tố Tụng hình sự.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn PX, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Vũ Thị T.

2. Về nghĩa vụ dân sự: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 của Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của anh Hoàng Văn M: buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho anh Hoàng Văn M, chị Đặng Thị N số tiền 5.670.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.670.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) bị cáo đã nộp tại giai đoạn điều tra, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế; Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Hoàng Văn M về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.330.000 đồng (bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) tiền giá trị 02 con lợn.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn M về việc yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự gồm: Khoản tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) anh M yêu cầu bị cáo T phải bồi thường, khoản tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) anh M yêu cầu ông Nguyễn Bá T phải bồi thường.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Giao cho anh Hoàng Văn M, chị Đặng Thị N được sở hữu, sử dụng số tiền 5.670.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Giao cho bị cáo Vũ Thị T được sở hữu, sử dụng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

4. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, các điểm c, e khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Thị T. Anh Hoàng Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại, người liên quan;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CQĐT, CQTHAHS Công an huyện Yên Thế;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang